

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày: 30-9-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tán Nghị**

Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 30/9/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-DS ngày 01/3/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1965. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn B, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị N1, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Ông B và bà N1 ủy quyền cho ông Ngô Văn N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện V, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 26/9/2019. Ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Vào năm 2011, vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N nhiều lần mượn tiền của bà, cụ thể: Ngày 09/11/2011 mượn số tiền 70.000.000đ hẹn 01 tháng sau trả tiền, ngày 28/11/2011 mượn 87.000.000đ hẹn 01 tháng sau trả tiền, ngày 07/12/2011 mượn 10.000.000đ hẹn 01 ngày sau trả tiền. Các lần vay mượn tiền đều có viết giấy mượn tiền làm bằng chứng và vợ chồng ông B và bà N1 có thể chấp cho bà 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 để làm tin. Tuy nhiên, đến thời gian trả nợ bà Võ Thị N nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 trả nợ nhưng vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 vẫn cố tình trốn tránh không trả nợ.

Nay bà Võ Thị N yêu cầu vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 trả số tiền gốc đã mượn là 167.000.000đ. Đối với tiền lãi 105.210.000đ mà bà Võ Thị N yêu cầu trong đơn khởi kiện thì nay bà Võ Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối tiền lãi này và không yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 phải trả tiền lãi nữa.

Tại phiên tòa, ông Ngô Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông xác nhận vào năm 2011 vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 có vay tiền của bà Võ Thị N 03 lần với số tiền tổng cộng 167.000.000đ như bà Võ Thị N trình bày. Để làm tin thì vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 có thể chấp cho bà Võ Thị N 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1. Quá trình vay tiền, đến hạn trả nợ như cam kết vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 chưa trả được số tiền trên cho bà Võ Thị N. Nay ông xác định vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 còn nợ bà Võ Thị N số tiền gốc là 167.000.000đ và đồng ý trả nợ cho bà Võ Thị N nhưng xin được trả dần số tiền trên trong 01 năm. Đối với số tiền lãi thì ông đề nghị bà Võ Thị N không yêu cầu ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 phải trả nữa.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện, 03 Giấy nhận tiền, 01 CMND (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu (bản sao), 01 bản tự khai, 01 đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị N khởi kiện bị đơn là vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 phải trả số tiền đã vay theo các hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự nào có yêu cầu áp dụng thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX không áp dụng quy định về thời hiệu trong vụ án này; do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Vào năm 2011, vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 nhiều lần vay mượn tiền của bà Võ Thị N, cụ thể: Ngày 09/11/2011 vay số tiền 70.000.000đ hạn 01 tháng sau trả tiền, ngày 28/11/2011 vay 87.000.000đ hạn 01 tháng sau trả tiền, ngày 07/12/2011 vay 10.000.000đ hạn 01 ngày sau trả tiền. Các lần vay mượn tiền đều có viết giấy mượn tiền làm bằng chứng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ và cho đến hôm nay ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 vẫn chưa trả nợ cho bà Võ Thị N theo thỏa thuận mặc dù bà Võ Thị N đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị N yêu cầu vợ

chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 trả số tiền gốc đã mượn là 167.000.000đ còn đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 còn nợ bà Võ Thị N số tiền trên, đồng ý trả nợ nhưng xin được trả dần trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hôm nay.

Xét thấy việc vay mượn tiền và viết giấy mượn tiền của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật nên được pháp luật bảo vệ. Ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 vay của bà Võ Thị N 03 lần với số tiền là 167.000.000đ, lần thứ nhất và lần thứ hai đều hẹn 01 tháng sau sẽ trả, lần thứ ba hẹn 01 ngày sau trả tiền nhưng hết thời hạn trả nợ và cho đến nay ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 vẫn không trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ. Do đó, căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự HĐXX chấp nhận yêu khởi kiện của bà Võ Thị N, buộc ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 trả cho bà Võ Thị N số tiền 167.000.000đ.

[2.2] Khi vay mượn tiền của bà Võ Thị N thì ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 có thể chấp cho bà Võ Thị N Giấy chứng quyền sử dụng đất số I 226723, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2356/QSĐĐ/148QĐUB do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ ông Ngô Văn B và Giấy chứng quyền sử dụng đất số I 226179, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01392/QSĐĐ/148QĐUB do UBND huyện Hòa Vang cấp đứng tên hộ bà Đặng Thị N1 để làm tin. Xét thấy, bà Võ Thị N là cá nhân, không có chức năng nhận thế chấp tài sản nên việc thế chấp Giấy chứng quyền sử dụng đất giữa 2 bên để vay tiền là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần buộc bà Võ Thị N trả lại 02 Giấy chứng quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1.

[2.3] Đối với yêu cầu tiền lãi, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 105.210.000đ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi đã rút.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 phải chịu theo qui định của pháp luật là $(167.000.000đ \times 5\%) = 8.350.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N đối với ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N số tiền là 167.000.000đ (*Một trăm sáu bảy triệu đồng*). Buộc bà Võ Thị N trả cho ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 01 Giấy chứng quyền sử dụng đất số I 226723, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2356/QSĐĐ/148QĐUB do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ ông Ngô Văn B và 01 Giấy chứng quyền sử dụng đất số

I 226179, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01392/QSĐĐ/148QĐUB do UBND huyện Hòa Vang cấp đứng tên hộ bà Đặng Thị N1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N về yêu cầu trả lãi số tiền 105.210.000đ (*Một trăm lẻ năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn B và bà Đặng Thị N1 phải chịu 8.350.000đ (*Tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho bà Võ Thị N 6.805.250đ (*Sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn hai trăm năm mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2129 ngày 28/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

Đã ký

Phạm Anh Tuấn